TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/DS-PT
Ngày: 09-01-2018
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản và tiền công lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Ông Phạm Ngọc Giao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Bình Thành – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28/12/2017 và ngày 09/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2017, về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản và tiền công lao động".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2016/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Toà án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 348/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Y, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thu Y là luật sư Trần Văn S – Văn phòng luật sư Trần Văn S, thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Hồng X, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Phạm Hữu T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T là chị Y, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T, xã Tấn M, huyện , tỉnh An Giang.

3.2 Chị Lê Thị Ánh T, sinh năm 1971

3.3 Anh Lê Hồng M, sinh năm 1995

3.4 Anh Lê Hồng P, sinh năm 2002 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Tvà anh M là anh Lê Hồng X, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

3.5 Công ty TNHH thương mại- dịch vụ-vận tải Hữu N

Địa chỉ: Phường P, thành phố X, tỉnh An Giang.

3.6 Công ty TNHH thương mại- xây dựng-vận tải Khánh V

Địa chỉ: khóm B, thị trấn T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH thương mại- dịch vụ-vận tải Hữu N và Công ty TNHH thương mại- xây dựng- vận tải Khánh V: Ông Phạm Hữu N, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp H2, xã M, Thành phố X, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu Y - là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình tố tụng tại tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thu Y (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Hữu T) trình bày:

Năm 2005 chị và anh T có chuyển nhượng một phần đất 193m^2, thuộc thửa số 2623, tờ bản đồ số 06 và anh chị mới lập thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/5/2013. Chị và anh T đã xây dựng một căn nhà cấp 4 diện tích ngang khoảng 4m dài 18m, năm 2006 gia đình anh chị lên thành phồ Hồ Chí Minh, nhà để trống không ai ở nên anh chị cho anh X mượn ở. Nay chị có nhu cầu ở nên yêu cầu hộ gia đình anh Lê Hồng X di dời toàn bộ tài sản trả cho anh chị.

Đối với yêu cầu của anh Lê Hồng X buộc chị cùng anh T và anh Phạm Hữu N người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại - dịch vụ - vận tải Hữu N và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại - xây dựng - vận tải Khánh V thì chị không thống nhất, bởi vì anh T đã thỏa thuận với anh X như thế nào chị không biết, nguyên nhân nào anh T ký nhận có thiếu tiền công lao động với số tiền 86.400.000 đồng thì chị không được biết nên chị không thống nhất yêu cầu này của anh X. Còn việc anh X tự ý xây dựng thêm

diện tích nhà để ở không có bàn bạc với chị và anh T nên chị không đồng ý với yêu cầu của anh X về việc yêu cầu chị phải trả giá trị phần xây dựng là 5.900.000 đồng.

Đối với phần tường rào xây gạch và rào lưới B40 xây dựng phía trước sân nhà gia đình anh X tự nguyện tháo dỡ nên chị không có yêu cầu.

- Trong quá trình tố tụng tại tòa sơ thẩm anh Lê Hồng X (đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Ánh T và anh Lê Hồng M) trình bày:

Anh đồng ý có mượn nhà và đất của chị Y và anh T để gia đình anh ở và nay chị Y đòi lại thì gia đình anh cũng thống nhất di dời toàn bộ tài sản trả lại nhà cho chị Y anh T, tuy nhiên do trước đây anh có làm công cho anh T và anh T còn nợ lại anh 48 tháng tiền lương với số tiền 86.400.000 đồng do anh T làm biên nhận cho anh ngày 28/9/2004, vì vậy anh T giao nhà cho gia đình anh ở đến khi nào anh T chị Y có tiền trả 86.400.000 đồng thì gia đình anh dọn đi nơi khác trả nhà cho anh T, chị Y, ngoài ra anh yêu cầu anh T, chị Y phải trả một phần tiền xây dựng, sửa chữa và tôn tạo thêm nhà là 5.900.000 đồng, tổng cộng 92.300.000 đồng.

Đồng thời anh Lê Hồng X có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại-dịch vụ-vận tải Hữu N, địa chỉ: phường M, thành phố Long X, tỉnh An Giang và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại-xây dựng- vận tải Khánh V, địa chỉ: khóm B, thị trấn T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp do anh Phạm Hữu N là người đại diện theo pháp luật phải liên đới chịu trách nhiệm cùng anh T và chị Y trả cho anh số tiền lương còn thiếu 86.400.000 đồng. Vì anh thực hiện công việc theo sự chỉ đạo của anh T và những công việc anh thực hiện là cho hai công ty trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hữu N người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại - dịch vụ - vận-tải Hữu N và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại - xây dựng - vận tải Khánh V có văn bản trình bày:

Từ ngày thành lập hai công ty nêu trên cũng như đến khi ngưng hoạt động, hai công ty này không có bất cứ hợp đồng lao động nào, cũng như không có thuê mướn anh Lê Hồng X làm bất cứ công việc gì cho công ty, vì vậy đối với yêu cầu của anh Lê Hồng X là anh không thống nhất.

- Tại biên bản lấy lời khai anh Lê Hồng P trình bày: Anh đồng ý với mọi quyết định của cha anh là anh Lê Hồng X và anh giao cho cha anh toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của anh trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2016/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2016 và của Toà án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu Y: Buộc hộ gia đình anh Lê Hồng X phải di dời toàn bộ tài sản trả lại chị Y, anh T căn nhà có diện tích ngang 4,lm dài 17,7m, nhà tiền chế, mái tol, cột sắt, vách tường, nền một phần gạch tàu, một phần gạch bông và một phần xi măng cất trên phần đất 193m^2, thuộc thửa số 2623, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã T, huyện B do anh T, chị Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/5/2013.

Hộ gia đình anh Lê Hồng X được tháo dỡ và di dời diện tích nhà xây dựng thêm ngang 4, lm dài 2,4m với kết cấu vách tường, mái lợp tol, khung tiền chế (sắt), đòn tay gỗ, nền gạch tàu, xây bó nền bằng gạch ống, phần cát nền là 8,72m^3.

(Kèm theo biên bản xem xét và thẩm định tại chổ ngày 02/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình)

- Công nhận sự tự nguyện của chị Y, anh T cho hộ gia đình anh Lê Hồng X lưu cư 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Lê Hồng X: Buộc anh Phạm Hữu T, chị Nguyễn Thị Thu Y có trách nhiệm liên đới trả cho anh Lê Hồng X số tiền 86.400.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của hộ gia đình anh Lê Hồng X về việc buộc chị Y, anh T phải trả giá trị phần nhà xây dựng thêm với số tiền 5.900.000 đồng.

- Buộc hộ gia đình anh Lê Hồng X phải trả cho chị Nguyễn Thị Thu Y số tiền 1.663.000 đồng chi phí thẩm định và định giá.

- Đình chỉ yêu cầu của anh Lê Hồng X đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại - dịch vụ - vận tải Hữu N và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại - xây dựng - vận tải Khánh V do anh Phạm Hữu N là người đại diện hợp pháp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền mà bên có nghĩa vụ phải thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước đã công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hộ gia đình anh Lê Hồng X phải chịu 495.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 2.950.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16249 ngày 26/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, anh X được nhận lại số tiền 2.455.000 đồng. Theo Quyết định số 17/2016/QĐ-SCBA, ngày 20/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình về việc sửa chữa, bổ sung bản án thì anh X được nhận lại 1.745.000đ theo Quyết định đình chỉ số 11/2016/QĐST-DS, ngày 16/3/2016, nay anh X còn được nhận lại số tiền là 710.000 đồng.

Anh Phạm Hữu T và chị Nguyễn Thị Thu Y phải chịu 4.320.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003490 ngày 26/5/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, anh T và chị Y phải nộp thêm 4.120.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21 tháng 12 năm 2017, chị Nguyễn Thị Thu Y kháng cáo không đồng ý liên đới cùng anh Phạm Hữu T trả cho anh Lê Hồng X số tiền nợ là 86.400.000 đồng và xin được miễn án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Y xác định giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đòi lại nhà đất cho mượn ở nhờ và giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo là không đồng ý liên đới nghĩa vụ cùng chồng là anh T trả nợ tiền lương lao động cho anh X 86.400.000 đồng, vì lý do khoản tiền nợ này chị không biết và do hoàn cảnh khó khăn xin được miễn án phí.

Anh X giữ nguyên ý kiến về yêu cầu phản tố buộc chị Y và anh T liên đới nghĩa vụ trả cho anh 86.400.000 đồng, không yêu cầu hai công ty của anh Huỳnh Hữu N liên đới, và đồng ý giảm bớt 8 tháng tiền lương bằng 14.800.000đ, còn yêu cầu anh T cùng chị Y trả cho anh 72.000.000đ.

Ý kiến của luật sư bảo vệ cho chị Y cho rằng anh T thuê anh X làm công việc cho công ty và khi làm giấy biên nhận nợ cũng đóng dấu công ty, nên xác định nợ anh X là của công ty, không phải nợ cá nhân vợ chồng anh T, chị Y nên đề nghị chấp nhận kháng cáo, không buộc chị Y liên đới nghĩa vụ trả nợ cho anh X.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Y, công nhận sự tự nguyện giảm bớt yêu cầu về tiền lương tám tháng của anh X đối với anh T và chị Y, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tài sản tranh chấp là căn nhà xây, khung sắt tiền chế, kích thước 4,1m x 17,7m, gắn liền khuôn viên đất 193m^2, tại thửa đất số 2623, bản đồ số 06, xã T, huyện B, giấy CN.QSDĐ cấp ngày 22/5/2013 do vợ chồng anh T, chị Y cùng đứng tên, nhà ở thì chưa có giấy quyền sở hữu. Nhà đất này hiện do hộ anh X đang sử dụng ở.

[2]. Hộ anh X được ở trong căn nhà này là dựa theo giao dịch giữa anh T với anh X về việc bên anh T cho bên anh X ở nhờ nhà, đất; bên anh X cho bên

anh T nợ lại tiền lương được ghi nhận trong giấy "Biên nhận nhận nợ" xác lập ngày 28/9/2004. Do đó bên anh X có yêu cầu phản tố buộc vợ chồng chị Y, anh T phải trả khoản nợ tiền lương 86.400.000 đồng, cho anh thì anh mới trả nhà, đất cho chị Y, anh T.

[3]. Theo Biên nhận nhận nợ ngày 28/9/2004 thể hiện: Vợ chồng T, Y nhìn nhận số tiền nợ, có nợ anh X (tiền mướn anh X làm, lương 1 tháng là 1.800.000đ x 48 tháng) bằng 86.400.000 đồng, giao nhà đất cho anh X quản lý ở và giữ gìn, khi có tiền 86.400.000đ trả cho anh X thì anh X dọn nơi khác ở, người ký tên nhận nợ là anh T. Tuy là chị Y không có ký tên trong biên nhận nợ, nhưng anh T có đồng ý ghi tên vợ là Y vào biên nhận nợ, chị Y thừa nhận anh T có nói lại cho chị biết việc cho anh X ở nhờ, chị có đến lui thấy hộ gia đình anh X ở trong căn nhà này, chị không phản đối hay ý kiến gì khác. Phần tiền nợ 86.400.000đ chị Y cho rằng anh T không có nợ và nghi ngờ chữ ký tên T trên giấy biên nhận nhận nợ không phải của anh T, nên chị Y đã yêu cầu Tòa sơ thẩm trưng cầu giám định và tiếp tục giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm chị Y yêu cầu trưng cầu cơ quan giám định tư pháp cấp trên giám định lại, kết quả cả 2 lần giám định đều giống như nhau, tức là chữ ký tên T trên tài liệu cần giám định với chữ ký tên T trên tài liệu mẫu so sánh do chị Y cung cấp là do cùng một người ký ra, cũng như từ thời điểm anh X có yêu cầu phản tố đòi vợ chồng Y và T trả số tiền nợ này chị Y đã tiếp nhận yêu cầu và liên hệ với anh T thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng anh T hoàn toàn không có ý kiến phản đối về số tiền nợ mà anh X đòi, như vậy có đủ căn cứ xác định số tiền nợ 86.400.000đ anh X đòi đối với anh T là có thật và giữa chị Y với anh T là vợ chồng, có tài sản chung là nhà, đất liên quan trực tiếp đến giao dịch nợ, nên chị Y phải cùng chung nghĩa vụ số tiền nợ này với anh T trả cho anh X là có căn cứ pháp luật.

[4]. Chị Y kháng cáo đề cập lý do anh T đã bỏ mẹ con chị nhiều năm, việc làm ăn của anh T không giúp ích gì cho gia đình, số tiền nợ anh X không liên quan đến chị, c không chịu liên đới trách nhiệm với anh T trả nợ anh X và xin được miễn tiền án phí. Hội đồng xét xử thấy, đến nay chị Y vẫn còn tiếp tục đại diện ủy quyền tố tụng của anh T, tài sản nhà và đất này còn thuộc sở hữu chung vợ chồng, có lợi ích về vật chất, nên lý lẽ của chị Y đưa ra là không có cơ sở, phải buộc chị Y liên đới nghĩa vụ trả nợ với anh T và phải chịu án phí là phù hợp pháp luật. Số tiền phải trả được giảm bớt 14.400.000 đ còn 72.000.000đ phải trả theo sự tự nguyện của anh X tại phiên tòa phúc thẩm là thỏa đáng được chấp nhận.

[5]. Ý kiến của luật sư đề cập căn cứ xác định nợ là của công ty và đề nghị chấp nhận kháng cáo của chị Y, không buộc chị Y liên đới nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy tuy anh X có làm công việc cho công ty, nhưng công ty thành lập sau khi anh T đã thuê anh X thời gian dài trước đó và công ty cũng không thuê anh X, mà do anh T thuê, và anh T tự xác lập nợ với anh X không đề cập đến công ty nên anh T chịu trách nhiệm với anh X. Anh T không có ý kiến hoặc yêu cầu gì với công ty. Biên nhận nợ đóng dấu của công ty là do anh T giữ

dấu và tự đóng dấu, anh T không có ý kiến phản bác là mặc nhiên thừa nhận nghĩa vụ nợ với anh X. Chị Y tiếp nhận ủy quyền của anh T và quyền tài sản chung thì phải có nghĩa vụ chung liên đới với anh T là phù hợp. Do đó không có căn cứ chấp nhận ý kiến của luật sư.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu Y, công nhận sự tự nguyện giảm bớt nợ của anh X đối với anh T và chị Y là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[7]. Từ những tình tiết, nội dung nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc chị Y cùng liên đới nghĩa vụ với anh T trả cho anh X số tiền nợ tiền công lao động, buộc chị Y phải chịu án phí là có căn cứ phù hợp pháp luật; nội dung, yêu cầu kháng cáo của chị Y là không có căn cứ, không được chấp nhận. Tuy nhiên, anh X tự nguyện giảm bớt số tiền nợ là phù hợp đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên được công nhận, nên phải sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm. Phần quyết định của án sơ thẩm về quyền và nghĩa vụ các bên đối với phần kiến trúc xây dựng thêm của anh X là phù hợp pháp luật, các bên không kháng cáo và các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

[8]. Riêng đối với phần chi phí tố tụng về giám định lại tại Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh số tiền 3.380.000đ, số tiền này chị Y tạm ứng và chi xong, kết quả giám định y như lần giám định trước, không làm thay đổi nội dung, bản chất vụ án, nên chị Y phải tự gánh chịu toàn bộ số tiền này theo quy định pháp luật.

[9]. Do sửa án sơ thẩm nên chị Nguyễn Thị Thu Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

[10]. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256, 512, 517 Bộ luật dân sự 2005 và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận nội dung, yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu Y; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2016/DS-ST ngày 09/12/2016, của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu Y: Buộc hộ gia đình anh Lê Hồng X (gồm anh Lê Hồng X, chị Lê Thị Ánh T, Lê Hồng M, Lê Hồng P) phải di dời toàn bộ tài sản trả lại chị Y, anh T căn nhà có diện tích ngang 4,l m dài 17,7m nhà tiền chế, mái tole, cột sắt, vách tường, nền một phần gạch tàu, một phần gạch bông và một phần xi măng cất trên phần đất 193m^2, thuộc thửa

số 2623, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã T, huyện B do anh T, chị Y cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/5/2013.

3. Hộ gia đình anh Lê Hồng X được tháo dỡ và di dời phần nhà xây dựng thêm trên đất ngang 4,l m dài 2,4m với kết cấu vách tường, mái lợp tole, khung tiền chế (sắt), đòn tay gỗ, nền gạch tàu, xây bó nền bằng gạch ống – thẻ, phần cát nền là 8,72m^3.

(Kèm theo biên bản xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 02/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình).

4. Công nhận sự tự nguyện của chị Y, anh T cho hộ gia đình anh Lê Hồng X lưu cư 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Công nhận sự tự nguyện của anh X giảm bớt cho anh T, chị Y tám tháng tiền lương = 14.400.000 đồng. Số tiền còn lại buộc anh Phạm Hữu T, chị Nguyễn Thị Thu Y có trách nhiệm liên đới trả cho anh Lê Hồng X số tiền là 72.000.000 đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu của hộ gia đình anh Lê Hồng X về việc buộc chị Y, anh T phải trả giá trị phần nhà xây dựng thêm với số tiền là 5.900.000 đồng.

7. Buộc gia đình anh Lê Hồng X (anh Lê Hồng X, chị Lê Thị Ánh T, Lê Hồng M, Lê Hồng P có trách nhiệm liên đới) phải trả cho chị Nguyễn Thị Thu Y số tiền là 1.663.000 đồng chi phí thẩm định và định giá.

8. Đình chỉ yêu cầu của anh Lê Hồng X đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại - dịch vụ - vận tải Hữu N và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại – xây dựng - vận tải Khánh V do anh Phạm Hữu N là người đại diện hợp pháp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho bên được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hộ gia đình anh Lê Hồng X phải nộp 495.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí còn lại 1.205.000 đồng theo biên lai thu số 16249 ngày 26/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, anh Xuân được nhận lại số tiền là 710.000 đồng.

Anh Phạm Hữu T và chị Nguyễn Thị Thu Y phải liên đới nộp 3.600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 003490 ngày 26/5/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, anh T và chị Y phải nộp thêm 3.400.000 đồng.

10. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thu Y không phải nộp, số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 07435 ngày 21/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình được hoàn trả cho chị Yến.

11.Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu Y phải chịu số tiền 3.380.000 đồng tiền chi phí giám định lại chữ ký (giai đoạn phúc thẩm), số tiền này chị Y đã nộp và chi xong, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Phương